



dài rù
带入

verb · to bring into; to introduce

Example Sentences

Qǐng wù jiāng shí wù dài rù tú shū guǎn
请勿将食物带入图书馆。

Please do not bring food into the library.

Zhè ge xīn zhèng cè jiāng dài rù hěn duō biàn huà
这个新政策将带入很多变化。

This new policy will bring about many changes.

Trace each character, then write the word on your own.

带	带	带	带	带	带	带	带	带	带	带
带										

入	入	入	入	入						
